

THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN EU: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM

TS. PHẠM THỊ THANH BÌNH* & ThS. LÊ MINH TÂM**

Liên minh châu Âu (EU) với 27 thành viên có tổng diện tích khoảng 4 triệu km², dân số hơn 500 triệu người. Bình quân thu nhập tính theo đầu người của các quốc gia EU khá cao so với thế giới. Người dân EU rất thích dùng các sản phẩm thủy sản trong nhu cầu ăn uống và bảo vệ sức khỏe do tính ưu việt của sản phẩm này là ngon, bổ dưỡng. Hàng năm, nhu cầu sản phẩm thủy sản của EU đạt mức 26,3 kg/người [3].

Do vị trí địa lý và khí hậu khắc nghiệt, cộng thêm nguồn thủy sản của EU đang nằm dưới giới hạn an toàn sinh học, buộc EU phải áp dụng biện pháp hạn chế khai thác và đánh bắt thủy sản trong khi nhu cầu tiêu dùng thủy sản của EU vẫn tăng nhanh. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong khối, EU buộc phải nhập khẩu thủy sản từ các quốc gia châu Mỹ, châu Á trong đó có VN.

1. Tình hình nhập khẩu thủy sản của EU

EU là một trong những thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới với giá trị nhập khẩu thủy sản hàng năm vượt 5,52 tỷ Euro. Phần lớn sản phẩm thủy sản được nhập khẩu từ các nước nội bộ trong khối. Tuy nhiên, để bổ sung một số sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ (chủ yếu là các sản phẩm thủy sản nước ấm), EU cũng nhập khẩu thủy sản từ hơn 180 nước khác trên thế giới.

Thị trường thủy sản châu Âu được chia làm ba khu vực chính:

(1) Bắc Âu (bao gồm Vương quốc Anh, các nước vùng Scandinavi và Hà Lan). Các nước Bắc Âu đều có biển, nguồn hải sản tương đối phong phú, có nghề đánh bắt hải sản truyền thống nên có thể mạnh về xuất khẩu hải sản (trong đó có tôm, nhất là các loại tôm nước lạnh). Nhập khẩu tôm của các nước này chủ yếu có tính chất bổ sung chủng loại cho nhau giữa các nước trong khu vực. Nhập khẩu từ khu vực châu Á không lớn do sức tiêu thụ của các nước này khá thấp (do dân số ít, khách du lịch đến Bắc Âu

không đông và người dân không có tập quán ăn nhiều hải sản). Người tiêu dùng ở Bắc Âu ưa dùng các loại cá nước lạnh như cá trích, cá thu, cá minh thái, cá tuyết, cá minh đét (cá thồn bơn...) và cá hồi nước ngọt.

(2) Trung Âu (bao gồm Đức, Áo, Ba Lan, và Cộng hòa Séc). Các nước khu vực Trung Âu ít có truyền thống ăn cá do những nước này có đất liền bao quanh và đường bờ biển ngắn hơn so với diện tích đất liền.

(3) Các nước thuộc khu vực Địa Trung Hải tiêu thụ nhiều những loại thủy sản như mực (mực ống, mực phủ) và nhiều loại động vật thân mềm (sò, trai).

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã làm cho tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản của các nước EU giảm 5,85% (năm 2009) tương đương với 12,2 tỷ Euro. Khối lượng nhập khẩu giảm 0,6% tương đương với 4,045 triệu tấn sản phẩm. Tây Ban Nha, Hà Lan, Đan Mạch, Ý và Pháp là những nhà nhập khẩu với khối lượng kim ngạch lớn. Nhập khẩu thủy sản của EU từ VN đã được khôi phục, tăng gần 6,5% trong 8 tháng đầu năm 2010 [2].

*: Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

** : Học viện Khoa học Xã hội

QUẢN LÝ XUẤT NHẬP KHẨU Ở VN

Bảng 1. Nhập khẩu thủy sản của các nước thành viên EU

ĐVT: 1.000 Euro/1.000 kg trọng lượng

Nước nhập khẩu	Giá trị nhập khẩu			Số lượng nhập khẩu		
	2007	2008	2009	2007	2008	2009
Áo	12.626	13.578	15.335	2.979	3.378	3.641
Bỉ	597.340	621.155	595.862	146.347	147.015	148.005
Bulgaria	4.299	6.026	6.146	2.553	3.934	4.037
Cyprus	11.130	7.835	7.022	3.603	1.339	1.874
CH Séc	43.653	42.559	42.548	17.216	15.326	15.117
Đan Mạch	2.071.561	2.006.642	1.759.409	563.821	550.462	493.746
Extônia	50.182	55.621	47.891	20.760	22.293	20.426
Phần Lan	27.407	27.802	24.713	21.995	25.016	22.396
Pháp	1.157.287	1.078.388	919.671	312.454	282.094	242.423
Đức	1.357.713	1.434.600	1.385.666	540.129	567.898	2.587.960
Greece	385.077	386.252	372.929	97.374	101.465	107.798
Hungary	10.789	11.428	9.898	3.524	3.527	3.253
Ireland	325.462	268.447	281.058	109.571	101.810	134.752
Ý	477.957	481.629	418.935	136.295	132.465	122.897
Latvia	57.402	81.479	61.083	31.467	39.118	29.756
Lithuania	102.199	115.296	116.323	39.767	44.272	36.347
Luxembourg	11.964	9.975	10.239	2.045	1.689	1.756
Malta	6.502	7.068	8.104	1.593	1.627	1.614
Hà Lan	2.184.275	2.124.306	1.933.452	537.984	500.223	497.819
Ba Lan	588.062	639.854	703.923	147.454	161.910	197.977
Bồ Đào Nha	385.544	422.180	341.167	119.433	132.965	109.853
Romania	6.121	5.965	3.157	1.174	1.295	1.672
Xiôvakia	5.285	7.006	5.713	2.400	2.695	2.036
Xiôvenia	6.160	5.726	6.993	2.123	1.658	2.088
Tây Ban Nha	1.825.168	1.788.904	1.720.684	586.297	566.301	585.095
Thụy Điển	1.087.757	1.123.513	1.128.066	322.843	342.574	361.114
Anh	1.274.973	1.116.992	1.076.770	386.583	322.011	308.030
EUR27	14.076.827	13.892.238	13.003.099	4.160.746	4.076.973	6.043.585

Nguồn: EUROSTAT (2010)

Bảng 2. Nhập khẩu thủy sản vào EU theo nhóm sản phẩm

ĐVT: 1.000 Euro

Sản phẩm	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Cá tươi sống	99.878	102.646	106.892	111.689	96.121
Cá tươi và cá ướp lạnh	1.995.201	2.379.731	2.344.021	2.335.115	2.511.253
Cá đông lạnh	1.156.390	1.416.634	1.460.238	1.356.811	1.191.681
Cá phi lê	3.285.352	4.005.634	4.263.526	4.156.121	4.000.069
Cá hun khói - khô - muối	801.748	839.746	927.259	854.682	689.938
Loài giáp xác	2.394.045	2.791.296	2.608.800	2.533.648	2.287.348
Động vật thân mềm	1.560.861	1.668.466	1.603.611	1.594.347	1.404.188
Dầu cá	135.312	166.294	205.517	249.966	183.592
Cá chế biến	1.709.868	1.842.169	1.956.627	2.251.715	2.056.213
Loài giáp xác (đã chế biến)	752.556	786.069	870.953	954.358	957.605

Nguồn: EUROSTAT (2010)

QUẢN LÝ XUẤT NHẬP KHẨU Ở VN

Thị trường nhập khẩu thủy sản Hà Lan:

Hà Lan là nước nhập khẩu khối lượng lớn nhất trong số các thành viên của EU, chiếm gần 14,87% giá trị nhập khẩu, đứng vị trí số 1; tiếp theo là Đan Mạch (13,53%), Tây Ban Nha (13,23%), và Đức (10,66%).

Cá philê là nhóm sản phẩm thủy sản nhập khẩu lớn nhất xét về giá trị. Nhập khẩu cá tươi ướp lạnh, các loài giáp xác và cá được chế biến hoặc bảo quản qua chế biến cũng tăng, trong khi nhập khẩu động vật thân mềm (sò, trai) giảm 0,8% năm 2009.

Cá philê (chủ yếu là cá hồi, cá ngừ) vẫn là loại thủy sản được ưa chuộng ở tất cả các thị trường EU, tiếp theo là cá tươi, cá ướp lạnh. Đức là nước nhập khẩu lớn nhất sản phẩm cá philê và thịt cá, hoạt động nhập khẩu đã gia tăng trong những năm gần đây. Tây Ban Nha, Ý và Pháp là những nước nhập khẩu hàng đầu động vật thân mềm (sò, trai, mực) chiếm hơn 50% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU.

Năm 2009, tổng giá trị nhập khẩu cá tươi và ướp lạnh tăng 7,54%, đạt 2,511 triệu Euro. Cá tươi và ướp lạnh là loại sản phẩm được các nước thành viên EU nhập khẩu tương đối lớn về mặt giá trị chiếm 12,9% tổng giá trị thủy sản của EU. Extônia, Đan Mạch và Đức là những nước nhập khẩu cá hồi chính. Cả ba nước này chiếm tới 80% tổng thị trường nhập khẩu cá hồi của EU.

EU nhập khẩu thủy sản từ hơn 180 nước ở tất cả các châu lục, trong đó 1/3 là từ các nước đang phát triển. Năm 2009, các nước đang phát triển xuất khẩu thủy sản trị giá 10,4 tỷ Euro sang EU, chủ yếu từ Trung Quốc, Ấn Độ và VN (chiếm 25,8% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của VN [2]).

Thị trường nhập khẩu thủy sản Trung Quốc: Trung Quốc là nước xuất khẩu thủy sản lớn thứ hai (sau Na Uy) sang thị trường EU. Năm 2009, Trung Quốc xuất khẩu sang EU đạt kim ngạch 1.305 triệu Euro tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2008. Cá philê và thịt cá là mặt hàng có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất của Trung Quốc (đạt kim ngạch 854 triệu Euro) và cũng là nước xuất khẩu lớn nhất mặt hàng này sang EU.

Thị trường nhập khẩu thủy sản Ấn Độ: Ấn Độ nằm trong top 10 nước xuất khẩu thủy sản nhiều nhất vào thị trường EU. Năm 2009, Ấn Độ

xuất khẩu sang EU đạt kim ngạch 470 triệu Euro, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2008. Loài giáp xác và động vật thân mềm là hai mặt hàng có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất của Ấn Độ (đạt kim ngạch 253 triệu Euro) tăng 9,3% so với năm 2008.

Thị trường nhập khẩu thủy sản VN:

EU tiếp tục giữ vị trí nhà nhập khẩu thủy sản lớn nhất của VN. Trong 8 tháng đầu năm 2010, xuất khẩu thủy sản của VN đạt hơn 3 tỷ USD, trong đó xuất khẩu sang EU chiếm 24% đạt hơn 720 triệu USD [2]. Những thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của EU từ VN là: Đức, Italia, Tây Ban Nha, Hà Lan và Bỉ.

Bảng 3. Nhập khẩu thủy sản của EU từ Trung Quốc, Ấn Độ và VN

Đơn vị: 1.000 Euro

Năm	Từ Trung Quốc		Từ Ấn Độ		Từ VN	
	Tổng giá trị	Tốc độ tăng trưởng (%) [4]	Tổng giá trị	Tốc độ tăng trưởng (%) [4]	Tổng giá trị (triệu USD)	Tốc độ tăng trưởng (%) [2]
2003	465.095,33	32,9	344.987,68	11,6	127,00	51,2
2004	584.028,30	25,6	317.907,31	-7,8	244,00	92,0
2005	872.138,84	49,3	368.749,66	16,0	436,73	79,0
2006	1.165.115,19	33,6	470.198,00	27,5	723,51	65,7
2007	1.233.069,86	5,8	491.978,20	4,6	908,04	25,5
2008	1.280.524,11	3,8	460.773,31	-6,3	1.144,46	26,0
2009	1.305.000,00	1,9	469.764,32	2,0	1.096,32	-4,2

Nguồn: EUROSTAT (2010) và VASEP (2010)

Thị trường nhập khẩu thủy sản Tây Ban Nha: Đây là thị trường tiêu thụ thủy sản lớn nhất EU, với mức tiêu thụ khoảng 44kg/người/năm [1]. Tây Ban Nha nhập khẩu chủ yếu là các sản phẩm tôm đông lạnh, cá tươi và đông lạnh, nhuyễn thể, cá hun khói và cá đóng hộp. Tôm đông lạnh là sản phẩm chính với sản lượng nhập khẩu hàng năm đạt trên 31.000 tấn [3]. Tây Ban Nha là một trong số những quốc gia có số lượng tàu đánh cá lớn nhất thế giới, với nghề đánh bắt và chế biến truyền thống. Hàng năm, đánh bắt và chế biến thủy sản của Tây Ban Nha đóng góp 250.000 tấn sản phẩm, trong đó 50% dành cho xuất khẩu. Các mặt hàng thủy sản của Tây Ban Nha chủ yếu xuất sang EU, gồm: cá ngừ, cá trích và nhiều loài thân mềm, nhuyễn thể. Cùng với tiêu dùng nội địa, Tây

Ban Nha đang thực hiện nhiều dự án đầu tư thủy sản vào các nước châu Phi và Nam Mỹ. Các thị trường nhập khẩu chính của Tây Ban Nha là Trung Quốc, Argentina, Colombia, Ấn Độ, Thái Lan và Malaysia...

Thị trường nhập khẩu thủy sản của Pháp:

Đây là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn trong khu vực EU. Các sản phẩm tiêu thụ chủ yếu là cá hồi, cá tuyết. Các sản phẩm mới cá ngừ, tôm cua cũng đang có xu hướng phát triển mạnh tại Pháp. Trung bình, người dân Pháp tiêu thụ 24 kg thủy sản/năm (so với 21kg/năm của EU), chiếm 7% trong tổng giá trị nhập khẩu thủy sản của toàn EU và 4% về sản lượng.

Thị trường nhập khẩu thủy sản Đức: Đức chiếm vị trí trung tâm của Tây Âu, với cơ sở hạ tầng được thiết lập nối với các quốc gia ở phía Đông, tiếp giáp với đường biên giới của 6 quốc gia thuộc EU và EFTA. Đức nhập khẩu một khối lượng lớn sản phẩm thủy sản, nên công nghiệp chế biến thủy sản là một trong những ngành công nghiệp chế biến thực phẩm lớn nhất của Đức.

Mặc dù, mức tiêu dùng sản phẩm thủy sản trên đầu người của Đức không cao, nhưng với dân số trên 80 triệu người và không có nền sản xuất nội địa lớn, nên Đức là thị trường nhập khẩu khá nhiều thủy sản, đứng thứ 4 ở châu Âu (sau Hà Lan, Đan Mạch và Tây Ban Nha).

Hàng năm, lượng tôm nhập khẩu vào Đức đáp ứng khoảng 2/3 nhu cầu thị trường nội địa thông qua hệ thống nhập khẩu của trên 150 công ty vào 7 chuỗi siêu thị lớn, 10.000 nhà bán lẻ và gần 1.000 nhà hàng lớn nhỏ. Tôm nhập khẩu vào Đức khá đa dạng về chủng loại từ trên 80 nước. Nhập khẩu tôm nước ấm vào Đức dưới dạng đông lạnh (không đầu, bóc vỏ hoặc cả vỏ) và các dạng chế biến chín sẽ tiếp tục gia tăng do ngày càng có nhiều hộ gia đình ở Đức ăn thủy sản và tôm.

Thị trường nhập khẩu thủy sản Anh: Anh có điều kiện thuận lợi trong việc đánh bắt hải sản (chiếm tới 1/5 sản lượng hải sản của EU), nhưng Anh vẫn phải nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu trong nước. Nhập khẩu tôm của Anh không lớn so với cá do thói quen tiêu dùng của người Anh là thích ăn các loại cá đã qua chế biến (như cá rán, cá viên...), mặt hàng tôm nhập khẩu chủ yếu để phục vụ cộng đồng người châu Á sinh sống ở Anh.

Thị trường nhập khẩu thủy sản Ý: Đây là

thị trường nhập khẩu thủy sản lớn của EU. Tổng sản lượng thủy sản của Ý chỉ vào khoảng 0,6 triệu tấn/năm, tuy nhiên với hơn 57 triệu dân và hàng chục triệu khách du lịch, hàng năm Ý phải nhập khẩu từ 0,9-1 triệu tấn thủy sản. Thị trường nhập khẩu thủy sản của Ý hầu như ít biến động trong nhiều năm qua. Các mặt hàng nhập khẩu chính của Ý là cá ngừ đóng hộp, mực đông lạnh, tôm và cá philê đông lạnh.

2. Đặc điểm của thị trường nhập khẩu thủy sản EU

EU thống nhất các quy định về chất lượng, sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm áp dụng trên toàn bộ lãnh thổ châu Âu. Thậm chí, Pháp và Ý áp dụng quy định khắt khe hơn quy định của EU. Vì vậy, nhập khẩu thủy sản vào Pháp, Ý có thể vẫn bị từ chối mặc dù đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện của EU. Đặc điểm then chốt của các quy định của EU là hàng thủy sản nhập khẩu vào EU từ các nước thành viên thứ 3 (không thuộc EU) cần phải được chế biến, đóng gói và bảo quản tại các cơ quan mà EU cho phép hoạt động.

Năm 2006, EU đưa ra luật mới đối với mặt hàng thủy sản nhập khẩu. Luật mới được xem là nhất thể hóa quy định của EU. Luật mới về nhập khẩu thủy sản vào EU là sự hợp nhất các quy định và chính sách đã được hài hòa theo quy chuẩn của liên minh. Luật mới không nhằm gây khó khăn hay giúp đỡ bất kỳ nước xuất khẩu nào cũng không phải để hạn chế mặt hàng thủy sản vào châu Âu mà nhằm mục đích bảo vệ người tiêu dùng hiệu quả hơn. Bộ luật mới về nhập khẩu thủy sản được thể hiện trong bốn hệ thống luật của EU với luật 178/2002 là chủ đạo và bốn luật khác bổ sung bao gồm 852/2004, 853/2004, 882/2004 và 854/2004. Luật nhập khẩu thủy sản được hài hòa và thống nhất là cơ hội cho các nước xuất khẩu vì theo nguyên tắc chỉ cần đáp ứng tiêu chuẩn chung của Cộng đồng châu Âu (EC), hàng thủy sản có thể vào bất kỳ thị trường thành viên nào trong EU, thay vì phải điều chỉnh theo từng thị trường như trước đây.

Muốn nhập khẩu được vào thị trường EU thì phải vượt qua được rào cản kỹ thuật của EU. "Rào cản kỹ thuật" là biện pháp chủ yếu để bảo hộ sản xuất và tiêu dùng nội địa hiện nay vì thuế nhập khẩu vào EU đang giảm dần. Bởi vậy, yếu tố có tính quyết định để thâm nhập được vào thị trường EU chính là vượt qua được rào cản kỹ thuật của

EU. Rào cản kỹ thuật chính là quy chế nhập khẩu chung được cụ thể hoá ở 5 tiêu chuẩn của sản phẩm, gồm có: chất lượng, vệ sinh thực phẩm, an toàn cho người sử dụng, bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn về lao động. Cụ thể:

Thứ nhất, tiêu chuẩn chất lượng: Chất lượng sản phẩm là chìa khóa của sự thâm nhập thành công vào thị trường EU. Đặc điểm then chốt của các quy định hiện tại của EU là hàng thủy sản nhập khẩu từ các nước thứ 3 (không phải thành viên EU) vào EU cần phải được chế biến, đóng gói, bảo quản, chuẩn tại các cơ quan mà EU cho phép hoạt động.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 là yêu cầu bắt buộc đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU. Các doanh nghiệp có giấy chứng nhận ISO thâm nhập vào thị trường EU dễ dàng hơn các doanh nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận.

Thứ hai, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm: Các công ty chế biến thực phẩm phải tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh chặt chẽ. Việc áp dụng Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP - Hazard Analysis Critical Control Point) là rất quan trọng và gần như là yêu cầu bắt buộc đối với các xí nghiệp chế biến thủy sản của các nước đang phát triển muốn xuất khẩu sản phẩm vào thị trường EU. Yêu cầu về nhiệt độ bảo quản trong quá trình vận chuyển các sản phẩm thủy sản. Yêu cầu về những thành phần phụ gia được phép sử dụng trong chế biến thủy sản do Văn phòng Thú y Liên bang (OVF – Federal Veterinary Office) quy định.

Thứ ba, tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng: Một đặc điểm nổi bật trên thị trường EU là quyền lợi của người tiêu dùng rất được bảo vệ, khác hẳn với thị trường của các nước đang phát triển. Để đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng, EU tiến hành kiểm tra các sản phẩm ngay từ nơi sản xuất và có các hệ thống báo động giữa các nước thành viên, đồng thời bãi bỏ việc kiểm tra các sản phẩm ở biên giới. EU đã thông qua những quy định bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng về độ an toàn chung của các sản phẩm được bán ra.

Thứ tư, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường: Thị trường EU yêu cầu hàng hoá có liên quan đến môi trường phải dán nhãn theo quy định (nhãn sinh thái, nhãn tái sinh) và có chứng chỉ được quốc tế công nhận. Ví dụ, tiêu chuẩn về thực hành nông

ng nghiệp tốt (GAP-Good Agricultural Practices) và các nhãn hiệu sinh thái (Ecolabels) đang ngày càng được phổ biến, chứng tỏ cách đánh giá cấp độ khác nhau về môi trường. Ngoài ra, các công ty phải tuân thủ hệ thống quản lý môi trường (các tiêu chuẩn ISO 14000) và các bộ luật mang tính xã hội về đạo đức. Tiêu chuẩn SA 8000 (The Social Accountability 8000) là tiêu chuẩn quốc tế về trách nhiệm xã hội sẽ càng trở nên quan trọng trong tương lai.

Thứ năm, tiêu chuẩn về lao động: Ủy ban châu Âu đình chỉ hoạt động của các xí nghiệp sản xuất nội địa ngay khi phát hiện ra những xí nghiệp này sử dụng lao động cưỡng bức và cấm nhập khẩu những hàng hóa mà quá trình sản xuất sử dụng bất kỳ một hình thức lao động cưỡng bức nào như lao động tù nhân, lao động trẻ em... đã được xác định trong Công ước Geneva ngày 25/9/1926 và 7/9/1956 và Hiệp ước lao động quốc tế số 29 và 105.

Gần đây, Ủy ban Châu Âu (EC) đã ban hành Quy định 1005/2008 ngày 29/9/2008 và có hiệu lực ngày 01/01/2010 về thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xoá bỏ hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản bất hợp pháp (Illegal, Unreported and Unregulated Fishing - IUU). Quy định được áp dụng đã tác động không nhỏ đến xuất khẩu thủy sản của các nước vào EU trong đó có VN.

EU cũng đưa ra mức giá tham khảo cho một số sản phẩm thủy sản chọn lọc như là điều kiện cho việc nhận biết giá. Giá tham khảo không phải là tình trạng bắt buộc. Giá tham khảo có thể được áp dụng như một hình thức bảo vệ thị trường EU khi cần thiết. Các nước châu Âu báo cáo giá trị nhập khẩu theo giá tham khảo cho EU. Nếu số lượng lớn sản phẩm thủy sản tiếp tục được nhập khẩu dưới mức giá tham khảo, EU sẽ điều chỉnh giá tham khảo bằng với giá nhập khẩu thấp nhất.

3. Đánh giá triển vọng

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 làm tăng trưởng kinh tế của EU gặp nhiều khó khăn, tác động tiêu cực đến tình hình nhập khẩu thủy sản khu vực. Dự đoán thị trường nhập khẩu thủy sản của EU trong thời gian tới sẽ bị cản trở, sức mua giảm sút do những nhân tố sau:

Thứ nhất, do phục hồi kinh tế của các nước EU gặp nhiều trở ngại, thu nhập và tiêu dùng sẽ

khó có thể được cải thiện dẫn đến nhu cầu nhập khẩu thủy sản cũng bị hạn chế.

Thứ hai, đồng USD và đồng Yên sẽ tiếp tục trên đà tăng mạnh so với đồng Euro sẽ làm cho giá cả nhập khẩu vào EU tăng tương đối, làm nhu cầu nhập khẩu thủy sản cũng bị hạn chế.

Thứ ba, quy luật của thị trường nông thủy sản cho thấy khi đồng Euro giảm giá, xu hướng thúc đẩy cạnh tranh xuất khẩu nông thủy sản tăng, gây áp lực làm giảm giá hàng nông thủy sản trên thị trường quốc tế

VN đang là quốc gia đầu tiên của trong khu vực Đông Nam Á chuẩn bị được tham gia mạng lưới thông tin điện tử quản lý xuất nhập khẩu thủy sản vào châu Âu. Vì vậy, bên cạnh việc được giám sát chặt chẽ hơn hệ thống thông tin hiện đại của cộng đồng châu Âu thì việc nghiên cứu thị trường nhập khẩu thủy sản EU cũng sẽ giúp VN có thêm nhiều triển vọng và cơ hội phát triển tại thị trường này■

CHÚ THÍCH

[1] Nguồn: FAOSTAT (2005)

[2] Nguồn: VASEP (2010)

[3] Nguồn: EUROSTAT (2010)

[4] Tính toán của tác giả từ nguồn: EUROSTAT (2010)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Campling L (2008), *EU Import Conditions for Seafood and Other Fishery Products*, Edited by European Commissions Directorate - General for Health and Consumers.

2. Dugal M (2009), *EU Market Access: Conditions and Challenge for African Caribbean and Pacific Countries*, Edited by United Nations.

3. Lê Minh Tâm (2009), “Thị trường EU: Cửa vãn mở cho VN xuất khẩu thủy sản”, tạp chí *Thương mại* (Số 31/2009), tr.3-5.

4. Lê Minh Tâm (2009), “Thị trường thủy sản EU: Tiềm năng và rào cản kỹ thuật thương mại”, tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 10 (109)/2009, tr.58-62.

5. Lê Minh Tâm (8/2010), “Xuất khẩu thủy sản VN sang châu Âu: Thực trạng và Giải pháp”, tạp chí *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 8 (172).

9. Một số website: www.vasep.com.vn (Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản VN), exporthelp.europa.eu (trang thông tin điện tử "Hỗ trợ xuất khẩu cho các nước đang phát triển"-Ủy ban châu Âu), faostat.fao.org (FAOSTAT | FAO Statistics Division 2010 | 03 July 2010), http://epp.eurostat.ec.europa.eu/cache/ITY_PUBLIC/2-04062010-AP/EN/2-04062010-AP-EN.PDF,

10. Tsamenyi M (2009), *Fairer Fishing? The Impact on Developing Countries for the European Community Regulation on Illegal, Unreported and Unregulated Fisheries*, Edited by Commonwealth Secretariat, London, UK.

11. UNEP (2005), *Fisheries Subsidies: An Critical Issue for Trade and Sustainable Development at the WTO*, Edited by United Nations Environment Programme.

12. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2007), *Xuất khẩu của VN vào thị trường EU*, NXB Tài chính, Hà Nội.

